

# Phân tích thực trạng các nguồn cung thị trường khoa học và công nghệ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hưng Yên

LÊ THỊ KIM OANH\*  
VŨ THỊ HẰNG NGA\*\*  
ĐÀO HỒNG VÂN\*\*\*  
TRẦN THỊ THANH HUYỀN\*\*\*\*  
NGUYỄN NGỌC MAI\*\*\*\*\*  
HOÀNG SĨ THÍNH\*\*\*\*\*  
ĐỖ QUANG GIÁM\*\*\*\*\*

## Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng các nguồn cung thị trường khoa học và công nghệ (KH&CN) lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trong nâng hạng sản phẩm (SP) Chương trình Mỗi xã một SP (OCOP). Nghiên cứu tiến hành khảo sát trực tiếp 2 nhóm đối tượng là: (1) Viện, trung tâm, doanh nghiệp (DN)/tổ chức KH&CN;(2) Cán bộ kỹ thuật, chính quyền địa phương. Dựa vào kết quả phân tích nhóm tác giả đề xuất giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ giữa nhà khoa học, DN và nhà quản lý với chủ thể OCOP trong việc thúc đẩy ứng dụng và chuyển giao đổi mới công nghệ; hỗ trợ giải quyết hiệu quả mối quan hệ cung - cầu KH&CN lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhằm nâng hạng SP OCOP tỉnh Hưng Yên.

**Từ khóa:** nguồn cung, thị trường, nông nghiệp, nông thôn, khoa học và công nghệ

## Summary

This study aims at analyzing the current situation of science and technology supplies to agriculture and rural areas to promote the upgrading of One Commune One Product (OCOP). The authors conducts a direct survey of two groups including (1) Institutes, centers, enterprises/science and technology organizations; (2) Technical staff, local authorities. Based on the obtained results, a number of solutions are proposed to strengthen the relationship between scientists, businesses, managers and OCOP subjects in promoting the application and transfer of new technologies, as well as assist in effectively solving the supply - demand relationship of science and technology in agriculture and rural areas for the upgrading of OCOP products in Hung Yen province.

**Keywords:** supply, market, agriculture, rural areas, science and technology

## GIỚI THIỆU

Thực hiện Quyết định số 490/QĐ-TTg, ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Mỗi xã một SP” giai đoạn 2018-2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên đã tham mưu UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 817/QĐ-UBND, ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề án mỗi xã một SP tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025. Theo đó, Hưng Yên xác định các SP chủ

lực tham gia Chương trình OCOP thuộc 6 nhóm, gồm: thực phẩm; đồ uống; thảo dược; vải, may mặc; trang trí, nội thất, đồ lưu niệm; dịch vụ (DV) du lịch nông thôn. Từ đó đến nay, Chương trình OCOP của Tỉnh có nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn hợp lý, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, xã hội khu

\* TS., \*\* ThS., \*\*\* ThS., \*\*\*\* ThS., \*\*\*\*\* ThS., \*\*\*\*\* TS., Viện Kinh tế và Phát triển, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Ngày nhận bài: 19/4/2022; Ngày phản biện: 14/5/2022; Ngày duyệt đăng: 21/5/2022

vực nông thôn bền vững. Tuy nhiên, muốn thúc đẩy thành công hơn nữa, thì Chương trình cần có những giải pháp toàn diện, trong đó giải pháp tăng cường áp dụng KH&CN vào các hoạt động sản xuất và tiêu thụ SP, nhằm cải thiện và nâng hạng cho các SP OCOP.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu thu thập, tổng hợp thông tin thứ cấp từ các tài liệu, báo cáo của các sở, ban, ngành có liên quan đến nội dung nghiên cứu về các nguồn cung thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Bên cạnh đó, số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn, khảo sát 2 nhóm đối tượng, cụ thể: (1) Viện, trung tâm, DN/tổ chức KH&CN với số phiếu: 6 phiếu; (2) Cán bộ kỹ thuật, chính quyền địa phương với số phiếu: 80 phiếu. Phương pháp so sánh được sử dụng để so sánh các thông tin, số liệu, chỉ tiêu nghiên cứu qua các năm. Từ đó, đánh giá được sự biến động, thay đổi và tăng trưởng, hay sự phát triển của chúng. Nghiên cứu được thực hiện trong năm 2021.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### Thực trạng các nguồn cung thị trường KH&CN lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn

#### DN và tổ chức KH&CN, các trung tâm Mức độ cung ứng SP, DV KH&CN

(i) Theo nhóm SP OCOP: Hiện nay, các chủ thể này chủ yếu cung ứng các SP/DV KH&CN liên quan đến hóa mỹ phẩm, chuyển giao công nghệ và đào tạo tập huấn, trồng trọt, thực phẩm và xử lý môi trường (chiếm khoảng 16,67% tổng số DN, tổ chức). Họ chưa chuyên sâu cung ứng các SP/DV KH&CN ở các lĩnh vực, như: đồ uống, thảo dược, thủ công mỹ nghệ, thực phẩm mà người dân đang cần để nâng hạng SP OCOP. Nguyên nhân là do các chủ thể này có nguồn vốn ít, lại chưa thực sự nhận được sự quan tâm từ Nhà nước và chính quyền.

(ii) Theo SP tiềm năng OCOP: Các DN và tổ chức KH&CN, các trung tâm chưa quan tâm đúng mức, nên chưa cung ứng các SP/DV KH&CN cho các SP tiềm năng OCOP, các SP này tiếp nhận các SP/DV KH&CN từ các DN, tổ chức và trung tâm ở bên ngoài Tỉnh.

(iii) Theo yếu tố sản xuất: Kết quả điều tra (Bảng 1) cho thấy, mức độ hoàn

**BẢNG 1: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CUNG ỨNG SP/DV KH&CN CỦA DN VÀ TỔ CHỨC KH&CN, CÁC TRUNG TÂM THEO CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT NHẪM NÂNG HẠNG SP OCOP**

Đơn vị: %

Yếu tố sản xuất	Hoàn toàn không cung ứng	Cung ứng rất ít	Cung ứng lượng vừa phải	Cung ứng nhiều	Cung ứng rất nhiều và chuyên sâu
Đất, giá thể	66,67	16,67	0	16,67	0
Chuồng trại	100	0	0	0	0
Ao nuôi	100	0	0	0	0
Giống	50,00	16,67	16,67	16,67	0
Phân bón	66,67	16,67	0	16,67	0
Thức ăn	100	0	0	0	0
Máy móc	83,33	0	0	16,67	0
Kỹ thuật chăm sóc	50,00	16,67	16,67	16,67	0
Bảo vệ thực vật	50,00	33,33	0	16,67	0
Thu hoạch	50,00	33,33	16,67	0	0
Bảo quản	50,00	33,33	16,67	0	0
Môi trường	50,00	16,67	33,33	0	0
Hiệu quả kinh tế	33,33	50,00	0	16,67	0
Tiếp thị	33,33	50,00	0	16,67	0
Quản lý DN/tổ chức	33,33	50,00	0	16,67	0
Nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng công nghệ thông tin	16,67	66,67	0	16,67	0
Tái chế, nông nghiệp tuần hoàn	66,67	16,67	0	16,67	0
Nông nghiệp giá trị cao	33,33	33,33	16,67	16,67	0
DV KH&CN	0	66,67	16,67	16,67	0

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

toàn không cung ứng bất cứ SP hay DV KH&CN nào chiếm tỷ lệ rất lớn, khoảng trên 50% các yếu tố, như: chuồng trại, ao nuôi, thức ăn. Nguyên nhân là do năng lực hạn chế, cung KH&CN ở Hưng Yên chỉ tập trung vào một số lĩnh vực. Còn phần lớn, để đáp ứng nhu cầu KH&CN của các chủ thể OCOP, họ phải nhập từ bên ngoài tỉnh Hưng Yên và nước ngoài rất nhiều (như: máy móc, công nghệ, kỹ thuật...).

Ngược lại, yếu tố nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng công nghệ thông tin và các DV KH&CN được các viện, trung tâm và tổ chức KH&CN quan tâm, chú ý và cung ứng ở mức độ khá cao, chiếm trên 33%. Bởi, trong xu thế phát triển hiện nay, các công nghệ mới trong canh tác có bước phát triển mạnh mẽ, trở nên phổ biến với hoạt động sản xuất tại các trang trại và ở nhiều hộ sản xuất quy mô lớn. Các công nghệ canh tác mới đã mang lại năng suất, chất lượng SP đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, cho phép tiết kiệm diện tích canh tác.

Các yếu tố còn lại có cung ứng, nhưng mức độ cung ứng rất ít, vừa phải hoặc nhiều chiếm tỷ lệ thấp, khoảng hơn 16%.

#### Những khó khăn trong việc cung ứng SP, DV KH&CN

Bảng 2 cho thấy, trong quá trình cung ứng SP, DV KH&CN, viện nghiên cứu, trung tâm, DN và tổ chức KH&CN gặp khá nhiều những khó khăn; trong đó, khó khăn về vốn đầu tư cho hoạt động cung ứng, khó khăn trong sản xuất, khó khăn trong tiêu thụ. Đây là những cản trở rất lớn khiến nguồn cung thị trường KH&CN lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn hiện nay, người dân chưa thực sự được tiếp cận nhiều với các nguồn cung.

**BẢNG 2: NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC CUNG ỨNG SP, DV KH&CN CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU, TRUNG TÂM, DN VÀ TỔ CHỨC KH&CN**

Khó khăn	Số lượng (Ý kiến)	Tỷ lệ (%)
<b>1. Mức vốn hiện tại:</b>		
- Ít	6	100
- Không có	0	0
<b>2. Lực lượng lao động:</b>		
- Số lượng ít	1	16,67
- Kiến thức, kỹ năng kém	4	66,67
<b>3. Khó khăn về sản xuất:</b>		
- Nhu cầu thị trường chưa cao, giá thành đắt	3	50,00
- SP mới, cần tìm tòi thêm về kỹ thuật, thị trường	1	16,67
- Công nghệ sản xuất mới	2	33,33
<b>4. Khó khăn trong tiêu thụ:</b>		
- Cung cầu khó gặp nhau	2	33,33
- Tìm thị trường tiêu thụ	1	16,67
- SP kén người dùng	2	33,33
<b>5. Khó khăn về cơ chế, chính sách:</b>		
- Giải pháp thúc đẩy cung cầu	2	33,33
- Hỗ trợ cung - cầu gặp nhau	2	33,33
<b>6. Khó khăn khác:</b>		
- DN nhỏ làm khoa học, khó khăn, mà thị trường thì chưa quan tâm đến các SP của DN, giá bán của DN cao do quan tâm chất lượng, khó cạnh tranh các cơ sở tư nhân	2	33,33
- Phải cạnh tranh với các SP cùng loại đến từ nước ngoài (đặc biệt là xuất xứ Trung Quốc) bởi làn sóng Cách mạng công nghệ 4.0; nảy sinh các vấn đề về tranh chấp liên quan đến sở hữu trí tuệ, bản quyền, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp	4	66,67

sóng Cách mạng công nghệ 4.0; nảy sinh các vấn đề về tranh chấp liên quan đến sở hữu trí tuệ, bản quyền, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp với trên 60% ý kiến. Đồng thời, DN nhỏ làm khoa học, khó khăn, mà thị trường lại chưa quan tâm đến các SP của DN, giá bán của DN cao, do quan tâm chất lượng, khó cạnh tranh các cơ sở tư nhân.

**Nhân lực KH&CN**

**Mức độ cung ứng SP, DV KH&CN**

- Theo nhóm SP OCOP: Hình 1 cho thấy, phần lớn các nhóm SP OCOP được cung ứng rất ít hoặc hoàn toàn không được cung ứng các DV KH&CN từ phía nhân lực KH&CN trên địa bàn Tỉnh, mà chủ yếu họ được hỗ trợ hoặc cung ứng từ nhân lực bên ngoài Tỉnh. Trong đó, nhóm thảo dược và thực phẩm được cung ứng nhiều hơn cả.

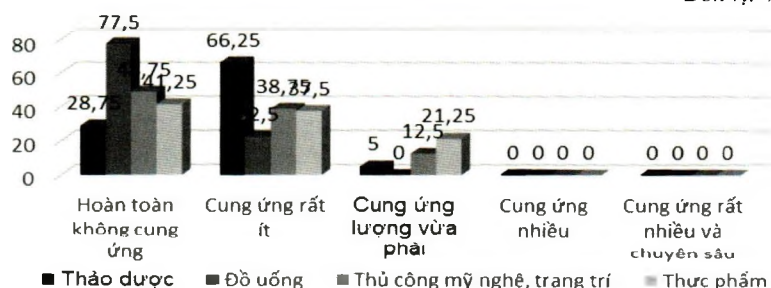
- Theo SP tiềm năng OCOP: Mức độ cung ứng SP, DV KH&CN của nhân lực KH&CN theo SP tiềm năng OCOP nhằm nâng hạng SP OCOP còn rất hạn chế (Hình 2). Các hộ thường tìm đến các nhà cung ứng ở các địa phương khác, như: Hà Nội, Thái Bình, Nam Định.

- Theo yếu tố sản xuất: Phần lớn các cán bộ kỹ thuật ở các phòng nông nghiệp, chỉ cục phát triển nông thôn, cán bộ khuyến nông, nhà khoa học thuộc trường đại học... cung ứng SP, DV KH&CN ở khía cạnh chuyển giao công nghệ và thường xuyên phối hợp hoặc tham gia tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ thực vật, chế biến bảo quản; trao đổi, hội thảo, tham quan tại các trang trại có quy mô lớn, được đầu tư thiết bị, kỹ thuật hiện đại, để chủ trang trại, hộ nông dân có thể tận mắt chứng kiến, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm với nhau.

Bảng 3 cho thấy, một số yếu tố trong sản xuất được các cán bộ KH&CN cung ứng ở mức độ vừa phải và nhiều, như: thu hoạch, bảo quản, môi trường, hiệu quả kinh tế, tiếp thị, tái chế và nông nghiệp giá trị cao, chiếm trên 50% ý kiến đánh giá. Một số yếu tố khác cũng được cán bộ KH&CN trên địa bàn Tỉnh cung ứng ở mức độ vừa phải (chiếm 35% đến 58% trong tổng số ý kiến đánh giá), do hầu hết các trang trại, hộ gia đình đều đảm bảo hàm lượng KH&CN, đáp ứng được yêu cầu sản xuất, như: đất, giá thể, chuồng trại, ao nuôi, giống, phân bón, thức ăn, máy móc, kỹ thuật chăm sóc.

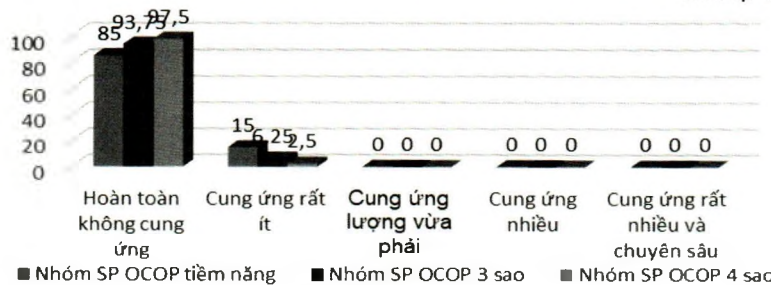
**HÌNH 1: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CUNG ỨNG SP/DV KH&CN CỦA NHÂN LỰC KH&CN THEO NHÓM SP OCOP NHẪM NÂNG HẠNG SP OCOP**

Đơn vị: %



**HÌNH 2: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CUNG ỨNG SP/DV KH&CN CỦA NHÂN LỰC KH&CN THEO SP TIỀM NĂNG OCOP NHẪM NÂNG HẠNG SP OCOP**

Đơn vị: %



Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Ngoài ra, phải cạnh tranh với các SP cùng loại đến từ nước ngoài (đặc biệt là xuất xứ Trung Quốc), bởi làn

Đối với việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ SP, sau khi được tư vấn, tập huấn, một số trang trại, hộ nông dân đã mạnh dạn đầu tư mua máy vi tính, kết nối mạng internet, vừa để học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác chăm sóc, thú y, lại vừa có thể tìm kiếm được thị trường tiêu thụ có lợi nhất, quảng bá được SP của trang trại thị trường.

Tuy nhiên, còn một số ý kiến đánh giá yếu tố: tái chế, thu hoạch, bảo vệ thực vật... không được cung ứng, chiếm khoảng 30%. Đây cũng là hạn chế của nhóm đối tượng nhân lực KH&CN ở một số địa phương trên địa bàn Tỉnh.

*Những khó khăn trong việc cung ứng SP, DV KH&CN*

Kết quả nghiên cứu Bảng 4 cho thấy, với khó khăn về nguồn lực, nhiều hộ sản xuất chưa có kiến thức tổng hợp về SP OCOP, kiến thức sử dụng vốn hiệu quả, kiến thức về công nghệ mới, chiếm 17,5% ý kiến. Tiếp đến, khó khăn trong tiếp cận khoa học kỹ thuật cao về giống, chăm sóc, bảo vệ thực vật, chế biến, xử lý môi trường cũng được nhắc đến nhiều, với khoảng 15% ý kiến.

Về sản xuất SP, DV (nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, công nghệ, chất lượng SP...), có khá nhiều khó khăn, nhưng phần lớn ý kiến khảo sát cho rằng, máy móc thiết bị, đặc biệt là công nghệ xử lý và bảo quản sau thu hoạch thiếu hoặc lạc hậu không đáp ứng được việc nâng hạng SP OCOP (chiếm 21,15% ý kiến).

Về tiêu thụ, khó khăn lớn nhất là nhiều SP OCOP chưa có thị trường hoặc kênh phân phối và thị trường đầu ra chưa được ổn định, chưa thành chuỗi liên kết. Bên cạnh đó, các SP OCOP được sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn nên giá thành cao hơn SP thông thường, chưa nhiều người sử dụng.

Ngoài ra, những khó khăn khác cũng ảnh hưởng khá nhiều đến nguồn cung thị trường KH&CN nhằm nâng hạng SP OCOP, như: khó khăn về cơ chế chính sách, sự hỗ trợ từ Nhà nước và chính quyền địa phương về vốn, công nghệ chế biến và thu hoạch...; chưa tiếp cận được nhiều với các đề tài nghiên cứu khoa học...

**Thực trạng các trung gian trên thị trường KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn**

Tại Việt Nam, các tổ chức trung gian trong thời gian qua được hình thành, vận hành và phát triển dưới dạng: sàn giao dịch công nghệ; trung tâm giao dịch

**BẢNG 3: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CUNG ỨNG SP, DV KH&CN CỦA NHÂN LỰC KH&CN THEO CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT NHẪM NÂNG HẠNG SP OCOP**

Đơn vị: %

Yếu tố sản xuất	Hoàn toàn không cung ứng	Cung ứng rất ít	Cung ứng lượng vừa phải	Cung ứng nhiều	Cung ứng rất nhiều và chuyên sâu
Đất, giá thể	38,75	7,5	53,75	0	0
Chuồng trại	57,5	0	42,5	0	0
Ao nuôi	57,5	6,25	36,25	0	0
Giống	28,75	17,5	53,75	0	0
Phân bón	28,75	12,5	58,75	0	0
Thức ăn	57,5	6,25	36,25	0	0
Máy móc	52,5	5	42,5	0	0
Kỹ thuật chăm sóc	21,25	16,25	62,5	0	0
Bảo vệ thực vật	37,5	8,75	53,75	0	0
Thu hoạch	31,25	7,5	53,75	7,5	0
Bảo quản	32,5	10	50	7,5	0
Môi trường	20	28,75	43,75	7,5	0
Hiệu quả kinh tế	10	35	47,5	7,5	0
Tiếp thị	23,75	21,25	47,5	7,5	0
Quản lý DN	23,75	21,25	55	0	0
Nông nghiệp công nghệ cao	10	35	55	0	0
Tái chế	41,25	12,5	38,75	7,5	0
Nông nghiệp giá trị cao	11,25	42,5	38,75	7,5	0
DV KH&CN	28,75	25	46,25	0	0

**BẢNG 4: NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC CUNG ỨNG SP, DV KH&CN CỦA NHÂN LỰC KH&CN**

Khó khăn	Số lượng (Ý kiến)	Tỷ lệ (%)
<b>1. Nguồn lực (chuyên môn, kiến thức, kỹ năng, vốn...)</b>		
- Cần kiến thức tổng hợp	14	17,5
- Về vốn, về kiến thức mới, công nghệ mới...	14	17,5
- Dịch Covid-19 gây khó khăn cho việc tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân	3	3,75
- Khó tiếp cận các đề tài dự án KH&CN; ít nhân lực trình độ cao; chỉ có vài lĩnh vực có nhân lực chuyên sâu	8	10
- Hạn chế về kỹ thuật chế biến, bảo quản, tiếp thị	1	1,25
- Khó khăn trong tiếp cận khoa học kỹ thuật cao về giống, chăm sóc, bảo vệ thực vật, chế biến, xử lý môi trường	12	15,0
- Cần nhiều cán bộ kỹ thuật ở các lĩnh vực khác nhau: trồng trọt, chế biến...	4	5
- Cần nâng cao công nghệ chế biến, bảo quản	1	1,25
- Cần hỗ trợ về thông tin máy móc, giá mua đất	2	2,5
- Khó khăn về nguồn nhân lực chất lượng	3	3,75
<b>2. Sản xuất SP, DV (nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, công nghệ, chất lượng SP...)</b>		
- Thiếu một số phương tiện hỗ trợ trong tập huấn cho chủ thể OCOP: máy tính tốc độ cao, máy chiếu hiện đại, vật phẩm mẫu	14	17,5
- Máy móc thiết bị, đặc biệt là công nghệ xử lý và bảo quản sau thu hoạch	17	21,25
- Khó khăn khi muốn mở rộng vùng nguyên liệu vì cần kiểm soát chất lượng	2	2,5
- Thiếu vùng nguyên vật liệu để chế biến, cần đảm bảo nguyên vật liệu sạch	2	2,5
- Một số nguyên vật liệu hạn chế	8	10
- Mua vật tư chất lượng giá cao	2	2,5
- Khó khăn về thiết bị bảo quản, chế biến, năng lực công nghệ	3	3,75
<b>3. Khó khăn trong tiêu thụ (thị trường cung ứng SP, DV KH&amp;CN...)</b>		
- Chưa có thị trường; kênh phân phối và thị trường đầu ra chưa được ổn định, chưa thành chuỗi liên kết	15	18,75
- Sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún, sản xuất tự phát; trình độ nông dân không đồng đều; người dân chưa chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ	3	3,75
- Cần được hỗ trợ thêm về xúc tiến thương mại, cần quảng bá tích cực về SP OCOP của hợp tác xã	7	8,75
- SP an toàn, giá cao, chưa nhiều người sử dụng	16	20
<b>4. Khó khăn về cơ chế, chính sách</b>		
- Thiếu cán bộ tư vấn cơ chế, chính sách	2	2,5
- Thiếu vốn, thiếu sự hỗ trợ từ Nhà nước	8	10
- Chưa tiếp cận được các đề tài nghiên cứu khoa học nhiều	8	10

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

công nghệ; trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ; trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ; trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo; cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo DN KH&CN (Thông tư số 16/2014/TT-BKH&CN, ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định điều kiện thành lập, hoạt động tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ).

Theo Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, có 6 loại hình DV chuyển giao công nghệ (không quy định tên gọi, hình thức, mô hình trung gian), gồm: môi giới chuyển giao công nghệ; tư vấn chuyển giao công nghệ; đánh giá công nghệ; thẩm định giá công nghệ; giám định công nghệ; xúc tiến chuyển giao công nghệ. Các tổ chức trung gian này rất đa dạng, phong phú, hoạt động độc lập, đơn lẻ, được tiếp cận theo nhiều cách khác nhau.

Thực tế cho thấy, các giao dịch công nghệ có nguồn gốc trong nước (chiếm khoảng 30%), thì chủ yếu công nghệ được tạo ra từ DN (khoảng 80%), còn 20% đến từ các trường đại học/trung tâm công nghệ/viện nghiên cứu. Đặc biệt, hình thức giao dịch qua sàn công nghệ/tổ chức trung gian chỉ đạt khoảng 5%; còn lại tới 95% công nghệ được giao dịch trực tiếp giữa bên cung và bên cầu (Phạm Đức Nghiệm và cộng sự, 2021).

Tuy nhiên, hiện nay ở Hưng Yên, chưa có tổ chức nào đủ điều kiện trở thành tổ chức trung gian của thị trường KH&CN trên địa bàn Tỉnh. Đến năm 2020, Sở Khoa học và Công nghệ đã cấp Giấy chứng nhận DN KH&CN cho 07 DN, 11 tổ chức khoa học và công nghệ. Các tổ chức, DN đã ứng dụng công nghệ, kết quả nghiên cứu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh theo lĩnh vực đăng ký. Điều này cho thấy, trên địa bàn Tỉnh các tổ chức trung gian chưa có để thực hiện sứ mệnh của mình trong việc kết nối, hướng tới giao dịch thành công, bởi chưa đủ tính chuyên nghiệp trong việc hỗ trợ, cung cấp DV về thông tin, đánh giá, định giá, thẩm định công nghệ, môi giới chuyển giao công nghệ; đồng thời, hoạt động còn đơn lẻ, chưa có sự gắn kết chặt chẽ, liên thông giữa các tổ chức với nhau, năng lực của các tổ chức còn nhiều còn hạn chế. Bên cạnh đó, các sàn giao dịch công nghệ quốc gia, sàn giao dịch công nghệ và thiết bị, các trung tâm hỗ trợ ứng dụng tiến bộ công nghệ tại các địa phương chưa được đầu tư tương xứng với sứ mệnh là tổ chức trung gian kết nối cung, cầu công nghệ, nên chưa tạo được niềm tin cần thiết đối với cả bên cung và cầu công nghệ. Cùng với đó, các hiệp hội, ngành hàng, đại diện thương mại trên địa bàn Tỉnh trong thời gian

qua chưa tham gia sâu vào hoạt động xúc tiến thị trường chuyển giao công nghệ, nên chưa phát huy được vai trò trung gian trong việc tư vấn, hỗ trợ các bên trong giao dịch công nghệ.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Nhằm nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của các SP OCOP và đẩy mạnh ứng dụng KH&CN vào quy trình sản xuất, chế biến, trong thời gian tới, tỉnh Hưng Yên cần thực hiện một số giải pháp sau:

**Thứ nhất**, để KH&CN phát huy được vai trò tham gia thực hiện Chương trình OCOP, thời gian tới, ngành KH&CN tiếp tục tham mưu UBND Tỉnh xây dựng và triển khai chính sách KH&CN đối với SP OCOP theo hướng hỗ trợ ứng dụng, nghiên cứu triển khai, xây dựng tiêu chuẩn hóa SP hàng hóa.

Đồng thời, xây dựng, triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, hoàn thiện công nghệ và ứng dụng công nghệ vào sản xuất, chế biến, kinh doanh cho các SP OCOP dựa trên nhu cầu cụ thể của các tổ chức kinh tế; trong đó, ưu tiên các hợp tác xã, các DN vừa và nhỏ có địa chỉ ứng dụng cụ thể.

**Thứ hai**, tăng cường hỗ trợ DN, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất trong việc tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị liên quan đến các SP OCOP. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học quản lý, tổ chức sản xuất cho các DN vừa và nhỏ, hợp tác xã sản xuất các SP OCOP theo chuỗi liên kết.

**Thứ ba**, tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho lãnh đạo các DN, hợp tác xã về ứng dụng KH&CN vào sản xuất, chế biến, kinh doanh; đẩy mạnh hoạt động thông tin KH&CN. Qua đó, giúp các DN, hợp tác xã, cơ sở sản xuất hoàn thiện, nâng tầm chất lượng SP, tạo tiền đề thúc đẩy Chương trình OCOP của Tỉnh tiếp tục phát triển. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên (2019-2021). *Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ tại địa phương các năm 2019, 2020, 2021*
2. Bùi Thị Minh Nhân (2015). *Ứng dụng khoa học công nghệ trong các trang trại ở tỉnh Hưng Yên hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Báo chí và Tuyên truyền
3. Phạm Đức Nghiệm, Tạ Bá Hưng, Nguyễn Hữu Xuyên (2021). Định vị tổ chức trung gian của thị trường KH&CN trong quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 6